KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - CHÌA KHÓA CHO KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

NGUYỄN ĐỨC THIỆU
Trường Đại học Hà Nội

Nhận bài ngày 14/4/2025. Sửa chữa xong 20/4/2025. Duyệt đăng 25/4/2025.

Abstract

Faced with the strong impact of the Fourth Industrial Revolution, to adapt and develop, Vietnam must build its own advanced science and modern technology, as this is the key to promoting the development of productive forces, improving labor productivity, and advancing social progress. In the scope of this paper, the author concentrates on analyzing the current situation, highlighting achievements and limitations, and simultaneously recommending several fundamental solutions to foster the development of science and technology in Vietnam in the current period.

Keywords: *Science and technology, era of rising, innovation.*

1. Đặt vấn đề

Từ khi loài người xuất hiện, lịch sử thế giới đã gắn liền với lịch sử con người. Tri thức giúp con người cải tạo thế giới ngày càng hiệu quả, xây dựng xã hội văn minh hiện đại. Hiện nay, cách mạng công nghệ 4.0 dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ (KH &CN) hiện đại: dữ liệu lớn (Big data), internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI) đã và đang tạo ra những thuận lợi cũng như thách thức với mọi quốc gia. Để thích nghi và phát triển, các quốc gia tất yếu phải trang bị cho mình một nền tảng KH&CN hiện đại để xây dựng một lực lượng sản xuất tiến bộ, tạo ra nhiều giá trị vật chất, tinh thần, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Nhận thức sâu sắc thực tiễn của đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh việc thực hiện chiến lược phát triển KH&CN, tăng cường đổi mới sáng tạo, coi đó là nhiệm vụ then chốt, tạo đột phá chiến lược cho phát triển kinh tế xã hội góp phần đưa Việt Nam vươn mình, bắt kịp, tiến cùng với các quốc gia phát triển trên thế giới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng phát triển khoa học công nghệ ở Việt Nam hiện nay

Cách mạng công nghệ 4.0 với đặc trưng là KH&CN hiện đại đang tạo ra cuộc cách mạng trong phương thức lao động sản xuất, thiết lập mô hình vận động mới cho xã hội. KH&CN trở thành một trong những yếu tố quyết định tới sự phát triển của lực lượng sản xuất, tác động mạnh mẽ tới quá trình CNH-HĐH của Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2/2021) của Đảng xác định: "*Khoa học* - công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng, đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý Nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội" [2, tr. 208]. Trong xu thế hội nhập quốc tế diễn ra sâu rộng, muốn phát triển nhanh và bền vững, nước ta "*phải đổi mới tư duy phát triển, thay đổi cách làm việc, cách sống, đẩy mạnh cải cách thể chế, ứng dụng tiến bộ khoa học* - công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số" [2, tr. 213]. Để làm được điều đó,

Email: thieunguyen035@gmail.com

chúng ta cần ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng các ngành trọng điểm, tạo động lực tăng trưởng để đất nước có thể "bắt kịp, tiến cùng" với khu vực và thế giới, phấn đấu "đến năm 2025, kinh tế số đạt khoảng 20% GDP; tốc độ tăng năng suất lao động đạt bình quân trên 6.5%/năm. Đến năm 2030, kinh tế số đạt khoảng 30%, tốc độ tăng năng xuất lao động xã hội bình quân đạt trên 6.5%/năm" [2, tr.113 - 114] đưa quốc gia đạt những nấc thang mới trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc "Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp (GDP bình quân đầu người ước đạt 4.700 – 5.000 USD/năm); đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (GDP bình quân đầu người ước đạt khoảng 7.500 USD/năm); đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước, trở thành nước phát triển có thu nhập cao (đến năm đó, tiêu chí sẽ thay đổi, theo tiêu chí hiện nay, GDP bình quân đầu người phải đạt trên 12.535 USD/năm)" [4, tr.33]. Muốn đạt được những mục tiêu trên, việc phát triển KH&CN giữ vai trò then chốt. Hiện nay, hoạt động KH&CN của Việt Nam có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, đóng góp vào sự phát triển của đất nước trên nhiều phương diện, lĩnh vực.

2.1.1. Khoa học & Công nghệ phát triển thúc đẩy hoạt động sản xuất, nâng cao đời sống, bảo đảm an ninh quốc phòng của đất nước. Trong nông nghiệp, công nghệ máy móc áp đóng góp trên 30% giá trị, kỹ thuật sinh học tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi mới góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu lương thực, nông sản hàng đầu thế giới như: gạo, cà phê, hồ tiêu, điều, cao su [5]. Trong công nghiệp, các dây chuyền máy móc hiện đại được áp dụng làm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm từ đó nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, khả năng làm chủ KH&CN trong các lĩnh vực dầu khí, chế tạo máy, thiết bị điện, sản xuất ô tô được nâng cao. Do đó, năng suất lao động ngày một tăng, giai đoạn 2016 - 2020 là 5,82%/năm (cao hơn mức 4,36%/năm của giai đoạn 2011 - 2015). Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng từ 19% năm 2010 lên khoảng 50% năm 2020 [1]. Trong y tế, các công nghệ hiện đại được áp dụng vào chẩn đoán và điều trị giúp việc phát hiện, chăm sóc sức khỏe cho người dân được đảm bảo, chi phí khám, chữa bệnh được tiết kiệm. Việt Nam đứng top 3 khu vực Đông Nam Á và thứ 43 thế giới về khả năng tự sản xuất vắc xin, được đánh giá cao trên phương diện y thế cộng đồng, kiểm soát dịch bệnh, đội ngũ y bác sĩ đạt trình độ cao về khoa học kỹ thuật với những ca phẫu thuật tim, ghép tạng…Đối với lĩnh vực an ninh, quốc phòng, sự phát triển của KH&CN giúp chúng ta có thể tự thiết kế, chế tạo, cải tiến các trang thiết bị an ninh, quân sự, vũ khí, khí tài, xây dựng được hệ thống giám sát và đảm bảo an ninh thông tin.

2.1.2. Lĩnh vực nghiên cứu cơ bản của Việt Nam được đánh giá có sự phát triển trong thứ hạng cùng với các công bố quốc tế, giai đoạn 2016 - 2020 các bài báo công bố quốc tế ISI tăng 20%. Năm 2020 tăng 45% so với năm 2019 [3]. KH&CN ngày càng đóng góp nhiều vào giá trị gia tăng của sản phẩm hàng hóa.

2.1.3. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn góp phần dự báo, định hướng xu thế phát triển, nâng cao đời sống tinh thần của con người, hướng con người tới những giá trị chân - thiện - mỹ. Nhiều trí thức, nhà khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có đóng góp tích cực vào xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách, trực tiếp nhất là Dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học lớn, như Đề án Nghiên cứu, biên soạn bộ Lịch sử Việt Nam; xây dựng bộ Địa chí quốc gia Việt Nam; nghiên cứu các xu thế mới của thế giới, thực hiện công tác phản biện xã hội một cách chủ động, làm căn cứ để Đảng, Nhà nước có những tổng kết, điều chỉnh quản lý, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

2.1.4. Hệ thống các tổ chức KH&CN phát triển mạnh, nguồn nhân lực phát triển cả về số lượng và chất lượng với khoảng 72.990 cán bộ nghiên cứu tương đương toàn thời gian (đạt 7,6 người/vạn dân) [6], trong đó, có nhiều nhà khoa học uy tín, được thế giới công nhận. Hệ thống sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ngày càng hoàn thiện, góp phần khuyến khích hoạt động nghiên cứu sáng tạo trong nước, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

Những thành tựu của KH&CN là động lực quan trọng cho sự phát triển của Việt Nam trong bối cảnh cách mạng 4.0. Tuy nhiên, cần nhận thức một cách khách quan rằng sự phát triển của KH&CN Việt Nam còn chưa cao. Công tác phát triển KH&CN còn tồn tại một số hạn chế nhất định gây trở ngại đối với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

Thứ nhất, trình độ KH&CN của nước ta còn có sự cách biệt so với nhóm đầu khu vực và thế giới. Sự phát triển KH&CN chỉ tập trung ở một số lĩnh vực như: công nghệ thông tin, viễn thông, dầu khí, tài chính - ngân hàng, còn những lĩnh vực khác vẫn đang sử dụng những công nghệ lạc hậu dẫn tới hiệu suất lao động chưa cao. Năng lực tiếp thu và làm chủ KH&CN còn hạn chế. Nhiều công trình nghiên cứu chưa bám sát yêu cầu sản xuất và đời sống. Năng lực nghiên cứu ứng dụng của các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học còn khiêm tốn.

Thứ hai, vấn đề bảo vệ sở hữu trí tuệ được đặt ra; cơ chế, pháp lý, chính sách về khoa học công nghệ thiếu tính đồng bộ, chưa tạo động lực, điều kiện thúc đẩy việc nghiên cứu và ứng dụng kết quả của KH&CN vào thực tiễn sản xuất, trao đổi, chuyển giao các sản phẩm khoa học trên thị trường. Nhà nước thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ thông qua nghiên cứu, nhập khẩu công nghệ, đặc biệt với những ngành chủ lực, tạo ra giá trị cao. Các trung tâm dịch vụ KH&CN chưa thực sự phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy dịch vụ môi giới, chuyển giao, tư vấn, đánh giá, định giá, thẩm định, giám định công nghệ. Liên kết giữa các doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục đại học và các cơ quan quản lý nhà nước trong đổi mới, ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ còn yếu; chưa có cơ chế khuyến khích sử dụng lực lượng lao động của các cơ sở giáo dục đại học tham gia vào hoạt động đổi mới, cải tiến, phát triển công nghệ tại doanh nghiệp.

Thứ ba, nguồn lực đầu tư cho KH&CN còn hạn chế, kinh phí chi cho hoạt động KH&CN bao gồm nguồn lực con người và cơ sở vật chất kỹ thuật còn ở mức thấp. Nhân lực KH&CN tuy có tăng về số lượng nhưng chất lượng chưa cao, hiệu quả hoạt động của những tổ chức, nhóm nghiên cứu còn thấp, thiếu chuyên gia đầu ngành trong công tác hướng dẫn, triển khai các nhiệm vụ khoa học, hoạt động hợp tác quốc tế còn yếu. Cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị cho hoạt động KH&CN còn thiếu và chưa đồng bộ. Ở một số địa phương, ngân sách đầu tư phát triển cho KH&CN chưa được phân bổ, sử dụng đúng mục đích; máy móc, trang thiết bị của các trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng còn nghèo nàn và lạc hậu, chưa được đầu tư, mua sắm kịp thời và đồng bộ. Các doanh nghiệp muốn khởi nghiệp, đầu tư KH&CN gặp khó khăn khi tiếp cận với nguồn vốn do các vướng mắc về điều kiện đảm bảo, hồ sơ đánh giá năng lực triển khai. Một số doanh nghiệp chưa có tầm nhìn dài hạn cho sự phát triển, ít đầu tư KH&CN, hoạt động nhỏ lẻ. Những tồn tại đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp khắc phục để phát huy được vai trò của KH&CN đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2. Một số giải pháp nhằm phát triển khoa học công nghệ ở Việt Nam hiện nay

Phát triển KH&CN là yêu cầu bức thiết của thực tiễn trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, bảo đảm sự "bắt kịp, tiến cùng" của Việt Nam với khu vực và thế giới. Kế thừa và phát huy tinh thần thực hiện nhiệm vụ phát triển KH&CN của nhiệm kì XI và XII, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục nhấn mạnh "*Th*úc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ" [2, 140]. Đặc biệt, trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030 xác định: "phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế" và đặt ra yêu cầu: "*có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế chung của thế giới và điều kiện đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*" [2, tr. 140-141]. Để KH&CN thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động, tạo năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cần có sự vào cuộc tích cực của toàn Đảng, toàn dân với những bước đi phù hợp. Dựa trên những vấn đề còn tồn tại, tác giả khuyến nghị một số giải pháp nhằm phát triển KH&CN của Việt Nam trong bối cảnh cách mạng 4.0 hiện nay:

2.2.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp lý, huy động các nguồn lực để thực hiện chiến lược

phát triển KH&CN theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam hiện nay. Đảng, Nhà nước và các bộ ngành liên quan cần nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách về KH&CN một cách chặt chẽ, tạo hành lang rõ ràng, thuận lợi, thúc đẩy việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các thành quả của KH&CN. Đặc biệt, phải hoàn thiện và thi hành nghiêm túc luật sở hữu trí tuệ, bảo đảm quyền, lợi ích cho các nhà khoa học để họ yên tâm sáng tạo, phục vụ đất nước. Có chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư và ứng dụng KH&CN trong sản xuất để nâng cao năng suất và hiệu quả lao động.

Bộ Khoa học và công nghệ cần phát huy vai trò chủ đạo trong quản lý và thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ ở các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học; cần thiết phải triển khai thử nghiệm khung thể chế đầu tư, giao nhiệm vụ, xác lập các "đơn hàng" KH,CN; tiến hành đánh giá việc thực hiện các dự án, nhiệm vụ KH&CN của các đơn vị, tổ chức từ đó đảm bảo hiệu quả hoạt động KH&CN.

2.2.2. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong việc thực hiện thúc đẩy, thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Trước hết, cần tổng kết, đánh giá, sửa đổi các quy định, thủ tục văn bản về xét duyệt nhiệm vụ KH&CN đối với doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính trong việc cấp phép thực hiện các hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất, tiêu dùng. Đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, biến khởi nghiệp sáng tạo thành phong trào, tạo động lực đột phá trong đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế - xã hội. Đầu tư mạnh mẽ cho công tác xây dựng các trung tâm nghiên cứu khoa học, sáng tạo công nghệ mang tầm vóc quốc gia; đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở tất cả các tỉnh thành, trước mắt là ở các trung tâm văn hóa chính trị lớn của đất nước, thành phố trực thuộc trung ương, tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước. Có chính sách thúc đẩy các thành phần kinh tế tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư, xây dựng các quỹ phát triển KH&CN và các doanh nghiệp lớn đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng liên minh hợp tác nhà nước với tư nhân trong vấn đề đầu tư, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong thực tiễn sản xuất. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp thông qua các hoạt động hỗ trợ về đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, khai thác sáng chế và xác lập quyền sở hữu trí tuệ, thông tin về KH&CN.

Phát huy vai trò của các viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong việc nghiên cứu, thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Có chính sách khuyến khích chuyển dịch, liên thông nguồn nhân lực trình độ cao giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và khu vực doanh nghiệp. Nghiên cứu xây dựng các quy định, quy chế phù hợp đối với cán bộ, giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, thúc đẩy việc tiến hành nghiên cứu, thực hiện các sáng kiến, cải tiến, đổi mới công nghệ đối với các chuyên viên tại cơ sở giáo dục đại học. Xây dựng cơ chế ưu tiên tăng cường tiềm lực, hỗ trợ cho các nhóm nghiên cứu mạnh tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tham gia thực hiện nhiệm vụ trong các chương trình KH&CN cấp quốc gia, tham dự các hội thảo, hội nghị quốc tế, công bố quốc tế. Xây dựng và thực hiện chương trình phát hiện và bồi dưỡng các nhóm nghiên cứu trẻ tiềm năng, ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học. Xây dựng các chuẩn mực về đạo đức trong nghiên cứu khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế.

2.2.3. Tăng cường chính sách tài chính, hoàn thiện quy định quản lý nhiệm vụ nhiệm vụ KH&CN. Bảo đảm tỉ lệ chi tối thiểu 2% ngân sách nhà nước cho hoạt động này theo Quyết định 569/ QĐ - TTg ngày 11/5/2022 Thủ tướng Chính phủ về thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho KH&CN và đổi mới sáng tạo. Nghiên cứu, tháo gỡ những rào cản, vướng mắc từ quy định sử dụng quỹ phát triển KH&CN, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động đổi mới, ứng dụng, làm chủ công nghệ, đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện chính sách về đầu tư công để khuyến khích hợp tác nhà nước và tư nhân trong lĩnh vực KH&CN. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí phù hợp với đặc điểm của hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là tính rủi ro, để đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo phương thức khoán chi đến sản phẩm

cuối cùng. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển giao tài sản hình thành trong nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào đời sống. Sửa đổi đồng bộ giữa các quy định của pháp luật về thuế và quy định pháp luật về KH&CN để triển khai có hiệu quả các cơ chế ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cho đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ. Xây dựng cơ chế ưu đãi thuế thu nhập cá nhân cho các đối tượng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Sửa đổi các chính sách về mua sắm công nhằm khuyến khích việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới, phát triển công nghệ của doanh nghiệp.

2.2.4. Chuyển đổi số trong hoạt động KH&CN. Số hóa nhiệm vụ KH&CN các cấp để công khai, minh bạch, bảo đảm xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ KH&CN, phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu tra cứu của nhà khoa học và công dân. Phát triển cơ sở dữ liệu về tiềm lực KH&CN (tổ chức, nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, thông tin), bảo đảm được cập nhật theo thời gian. Số hóa toàn bộ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản lý hồ sơ, công việc của Bộ Khoa học và Công nghệ, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng được kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu. Thực hiện công tác cải cách hành chính, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Khoa học và Công nghệ: Tập trung thực hiện hiệu quả 6 giải pháp trong chương trình cải cách hành chính của Chính phủ. Sử dụng công nghệ số để kết nối, hỗ trợ mạng lưới các nhà quản lý, nhà khoa học, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp từ Trung ương đến địa phương. Đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, đẩy mạnh việc cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và kiểm tra chuyên ngành; lấy người dân và nhà khoa học làm trung tâm phục vụ; hướng tới cắt giảm thời gian và chi phí giải quyết thủ tục hành chính một cách thực chất. Cung cấp thông tin minh bạch, hỗ trợ cho các nhà khoa học trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Kết luận

Phát triển KH&CN là yêu cầu tất yếu đối với các quốc gia trong thời kỳ hội nhập với bối cảnh cách mạng mạng 4.0. Việt Nam là quốc gia đang phát triển, được đánh giá có tốc độ tăng trưởng nhanh trong khu vực và thế giới. Thành tựu này có một phần đóng góp lớn của KH&CN. Nhờ chủ trương, chính sách phù hợp của Đảng và Nhà nước, sự ủng hộ của nhân dân, Việt Nam đã và đang có những bước đi thích hợp, đặc biệt bước đầu thúc đẩy sự phát triển của KH&CN trong các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao…từ đó góp phần nâng cao năng suất lao động xã hội, cải thiện đời sống của người dân, thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, cần nhìn nhận một cách khách quan rằng, sự phát triển KH&CN của Việt Nam còn chưa tương xứng với nhiệm vụ được đặt ra, những hạn chế tồn tại gây trở ngại cho con đường phát triển đất nước và cần có những giải pháp cụ thể, đồng bộ để khắc phục. Căn cứ vào thực trạng phát triển KH&CN của Việt Nam, tác giả tin rằng, nếu những khuyến nghị được thực hiện với sự vào cuộc của tất cả các lực lượng thì KH&CN của Việt Nam sẽ có những bước phát triển, đóng góp vào sự vươn mình nhanh chóng và bền vững của Việt Nam trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Tài chính (2022), *Cơ cấu lại nền kinh tế: Nhìn lại giai đoạn 2016-2021 và những định hướng giai đoạn 2025-2030*, nguồn: https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttpltc/pages_r/l/chi-tiet-tin-ttpltc?dDocName=MOFUCM229432.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3] Bích Hà (2020), *Công bố quốc tế của Việt Nam tăng vượt bậc, riêng 2020 có hơn 32000 bài báo,* nguồn: https://laodong.vn/giao-duc/cong-bo-quoc-te-cua-viet-nam-tang-vuot-bac-rieng-2020-co-hon-32000-bai-bao-945454.ldo.

[4] Hội đồng Lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5] Lê Linh (2020), *Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*, nguồn: https://dangcongsan.vn/khoa-hoc-va-cong-nghe-voi-su-nghiep-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc/diem-nhan-khoa-hoc-va-cong-nghe/phat-trien-nong-nghiep-ung-dung-cong-nghe-cao-563993.html.

[6] Vụ Khoa học và Công nghệ, Ban Tuyên giáo Trung ương (2021), *Phát huy vai trò nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước,* nguồn: https://vjst.vn/vn/_layouts/15/ICT.Webparts.TCKHCN/mt_poup/Intrangweb.aspx?IdNews=5462.